|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiết 68** | LUYỆN TẬP CHUNG | **NS: 17/3/2024**  **NG: 19/3/2024** |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt**

Hai tiết Luyện tập chung dùng để chữa các bài tập của các bài học từ Bài 28 đến 31 và chữa các bài tập từ 7.21 đến 7.25 để luyện tập bổ sung, nâng cao kĩ năng giải toán và gắn kết các kiến thức, kĩ năng của các bài học lại với nhau.

**2. Kĩ năng và năng lực**

**a. Kĩ năng:**

**b. Năng lực:**

- Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

- Năng lực riêng:

+ Tổng hợp kiến thức và giải quyết các bài toán

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** sgk, giáo án

**2. Đối với học sinh:** vở ghi, vở nháp, đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**a. Mục tiêu**:

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- Các bài tập trong các bài học từ Bài 28 đến Bài 31 hầu hết đã được chữa ngay tại lớp Vì vậy, trong bài Luyện tập chung này, GV chỉ cần chữa nốt các bài còn lại và chữa các bài tập từ 7.21 đến 7.25. Trước giờ luyện tập chung

- GV giao nhiệm vụ cho HS phải hoàn thành tất cả các bài tập từ 721 đến 7.25.

- Sau khi cho HS làm hai ví dụ, GV có thể mời HS lên bảng trình bày bài làm của mình

- GV nhận xét và sửa chữa để HS ghi chép.

- Nếu còn thời gian, GV nên chuẩn bị trước một số bài tập luyện về các phép đặt tính (đặc biệt là đặt tính chia và làm tròn kết quả).

- GV cũng có thể bổ sung thêm các bài tập có nội dung thực tế như tính nồng độ dung dịch, tính giá hàng khuyến mất; tăng trưởng và suy thoái; tỉ lệ bản đó, nhằm bổ sung các kiến thức thực tế cho HS.

**C-D. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* HS làm bài tập 7.21, 7.22, 7.23, 7.24, 7.25

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 7.21:** Tính một cách hợp lí  a) 5,3- (-5.1)+(-5.3) + 4.9;  b) (27 - 51.4) - (48,6 - 7.3}:  c) 2,5 - (- 0,124) + 10,124 . 2,5.  **Câu 7.22:** Tính giá trị của biểu thức sau:  7,05 - (a + 3,5 + 0.85) khi a = -7,2.  **Câu 7.23:** Gạo là thức ăn chính của người dân Việt Nam. Theo Viện Dinh dưỡng Quốc gia trong 100 g gạo tẻ giã có chứa khoảng 75 g chất bột đường; 8,1 g chất đạm; 1,3 g chất béo và nhiều vi chất khác.  a) Tỉnh tỉ lệ phẩn trăm khối lượng chất béo có trong 100 g gạo:  b) Trong 1.5 kg gao có chứa bao nhiêu gam chất béo?  **Câu 7.24:** Cường ra siêu thị mua 3,5 kg khoai tây, 4 kg củ cải. Giá (chưa tính thuế) của 1 kg khoai tây là 18 nghìn đồng: 1 kg củ cải là 15.6 nghìn đồng.  a) Tính tổng số tiền hàng;  b) Khi thanh toán Cường phải trả thêm tiền thuế giá trị gia tăng VAT, được tính bằng 10% tông số tiền hàng. Tính số tiền Cường phải thanh toán.  **Câu 7.25:** Theo báo điện tử VINANET (14-2-2020), năm 2019 Việt Nam sản xuất khoảng 201  nghìn tấn hạt tiêu. Như vậy, sản lượng  hạt tiêu Việt Nam chiếm khoảng 30% sản tượng hạt tiều toàn thế giới. Em hãy tính sản lượng hạt tiêu đã sản xuất trên toàn thế giới vào năm 2019. | **Câu 7.21:**  a. 10  b. -90  c. 25  **Câu 7.22:** 9,9  **Câu 7.23:**  a. 1,3%  b. 18,5%  **Câu 7.24:**  a. 125 400 đồng  b. 137 940 đồng  **Câu 7.25:**  Khoảng 670 nghìn tấn |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập | Vấn đáp, kiểm tra miệng | Phiếu quan sát trong giờ học |  |
| Sự hứng thú, tự tin khi tham gia bài học | Kiểm tra viết | Thang đo, bảng kiểm |  |
| Thông qua nhiệm vụ học tập, rèn luyện nhóm, hoạt động tập thể,… | Kiểm tra thực hành | Hồ sơ học tập, phiếu học tập, các loại câu hỏi vấn đáp |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiết 69** | ÔN TẬP GIỮA KỲ | **NS: 17/3/2024**  **NG: 19/3/2024** |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt**

Hệ thống được các nội dung đã học trong chương trình và cung cấp một số bài tập có nội dung tổng hợp, liên kết các kiến thức trong các bài học khác nhau

**2. Kĩ năng và năng lực**

**a. Kĩ năng:** Khả năng tổng hợp, liên kết kiến thức cũ để hoàn thành bài tập

**b. Năng lực:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** vở ghi, sgk, giáo án

**2. Đối với học sinh:** vở nháp, sgk

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

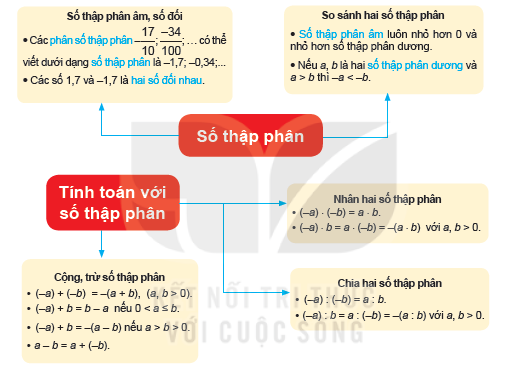
**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

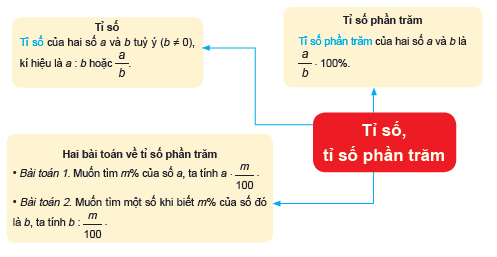
**a. Mục tiêu**: Tổng hợp lại kiến thức bằng sơ đồ tư duy

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**





- Chữa cho HS một số bài tập có nội dung tổng hợp, có thể phải dùng đồng thời các kiến thức học trong các bài học khác nhau.

- GV hướng dẫn HS sử dụng máy tính cầm tay giải quyết các bài toán tính toán với số thập phân.

- Trước tiết học, GV giao nhiệm vụ cho HS hoàn thành tất cả các bài tập từ 7.26 đến 7.31.

**C-D. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP & VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:*

+ HS làm tại lớp các câu từ 7.26 – 7.29

+ HS về nhà làm bài tập 7.30, 7.31

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 7.26:** Tính giá trị của biểu thức sau:  a. 15,3 – 21,5 – 3 . 1,5  b. 2(42 – 2. 4,1) + 1,25 : 5  **Câu 7.27:** Tìm x, biết:  a. x – 5,01 = 7,02 – 2 . 1,5  b. x : 2,5 = 1,02 + 3 . 1,5  **Câu 7.28:** Làm tròn số  a.127,459 đến hàng chục ;  b.152,025 đến hàng chục ;  c.15 025 796 đến hàng nghìn. | **Câu 7.26:**  a.15,3-21,5-3.1,5=15,3-21,5-4,5=-10,7;  b.2.(4^2-2.4,1)+1,25:5=2.(16-8,2)+0,25=15,6+0,25=15,85.  **Câu 7.27:**  a.x-5,01=7,02-2.1,5  x-5,01=4,02  x=4,02+5,01=9,03.  b.x: 2,5=1,02+3.1,5  x:2,5=5,52  x=5,52.2,5=13,8.  **Câu 7.28:**  a.Làm tròn 127,459 đến hàng phần mười ta được kết quả là:127,5  b.Làm tròn 152,025 đến hàng chục ta được kết quả là:152,0.  c.Làm tròn 15 025 796 đến hàng nghìn ta được kết quả là: 15 026 000. |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập | Vấn đáp, kiểm tra miệng | Phiếu quan sát trong giờ học |  |
| Sự hứng thú, tự tin khi tham gia bài học | Kiểm tra viết | Thang đo, bảng kiểm |  |
| Thông qua nhiệm vụ học tập, rèn luyện nhóm, hoạt động tập thể,… | Kiểm tra thực hành | Hồ sơ học tập, phiếu học tập, các loại câu hỏi vấn đáp |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*